



YẾU TỐ CON NGƯỜI TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CẢI CÁCH Ở ĐÔNG NAM Á (NỬA SAU THẾ KỈ XIX-ĐẦU THẾ KỈ XX)

Phạm Thị Phượng Linh¹

¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 17/11/2014

Ngày chấp nhận: 14/08/2015

Title:

Human factor in Southeast Asia reforms (from the second half of the 19th century to the early 20th century)

Từ khóa:

Cải cách, Đông Nam Á, nhân tố con người trong cải cách

Keywords:

Reform, Southeast Asia, human factor in reform

ABSTRACT

From the second half of the 19th century to the early 20th century, the role of human factor in Southeast Asia reforms is critically important. The most important factor is position and power of reform leaders deciding successful reforms or not. Because successful reforms depend on top-down path, the factor deciding successful reforms is the upper class not the peasant one. The reform in Thailand (Siam) was successful because the upper class was the leader of this reform. On the other hand, the reforms in Philippines, Indonesia and Vietnam failed because the peasant classes were leaders of these reforms.

TÓM TẮT

Yếu tố con người trong các cuộc vận động cải cách ở Đông Nam Á có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Trong yếu tố con người thì vai trò và vị thế của người lãnh đạo cải cách là quan trọng nhất quyết định đến sự thành công hay thất bại của chương trình cải cách đó. Các cuộc vận động cải cách diễn ra và thắng lợi theo con đường từ trên xuống nên nhân tố đảm bảo thắng lợi cho cải cách không phải là quần chúng nhân dân mà là tầng lớp lãnh đạo đất nước. Nếu tầng lớp bên trên là lực lượng khởi xướng cải cách thì đảm bảo sự nghiệp cải cách thành công điển hình ở Đông Nam Á có Thái Lan (Xiêm). Còn đối với các nước khác như Indonesia, Philippines và Việt Nam thì cuộc vận động cải cách diễn ra sôi nổi nhưng do tầng lớp bên dưới xã hội tiến hành nên thất bại.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Các cuộc vận động cải cách thông thường diễn ra và thắng lợi theo con đường từ trên xuống trong khi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, diễn ra và thắng lợi theo con đường từ dưới lên. Vì thế yếu tố đảm bảo thắng lợi cho cuộc cải cách không phải là quần chúng nhân dân mà là tầng lớp bên trên hay là lực lượng lãnh đạo. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta bỏ qua vai trò của quần chúng nhân dân và những lực lượng khác trong công cuộc cải cách ở Đông Nam Á giai đoạn cận đại. Ở mỗi cuộc vận động cải cách của các

quốc gia Đông Nam Á khác nhau thì sẽ có những nhóm nhân vật khác nhau nhưng có thể quy về bốn nhóm cơ bản là lực lượng lãnh đạo cải cách, quần chúng nhân dân, các chuyên gia nước ngoài và thế lực bảo thủ, phản đối cải cách. Như vậy, các nhóm nhân vật này có vai trò, ý nghĩa gì đối với công cuộc vận động cải cách ở các quốc gia Đông Nam Á giai đoạn nửa sau thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX.

2 NỘI DUNG

Xét công cuộc cải cách ở Thái Lan (Xiêm), Indonesia, Philippines và Việt Nam giai đoạn nửa

sau thế kỉ XIX-đầu XX, chúng ta thấy có các nhóm nhân vật sau. Thứ nhất là đội ngũ những nhà cải cách, gồm những người đề xướng và lãnh đạo. Thứ hai là quần chúng nhân dân. Thứ ba là các thế lực bảo thủ, gồm những người phản đối công cuộc cải cách. Thứ tư là các chuyên gia người ngoại quốc. Tuy nhiên chỉ có công cuộc cải cách ở Xiêm mới có nhóm thứ tư còn ở Indonesia, Philippines và Việt Nam thì hầu như không có vai trò của các chuyên gia nước ngoài.

Lực lượng lãnh đạo cải cách ở Xiêm nổi lên vai trò của hai nhà vua Mongkut và Chulalongkorn. Năm 1851, vua Nanglao qua đời, hoàng tử Mongkut lên kế vị và lấy hiệu là Rama IV (1851-1868). Mongkut đã tự đào tạo mình để trở thành nhà cải cách, trong khi Chulalongkorn là sản phẩm đào tạo nhân tài do chính Mongkut tạo lập ra. Hai nhân vật này là hạt nhân quy tụ và là những bậc thầy đã góp phần quan trọng đào tạo nên các thế hệ nhân tài cải cách ở Xiêm. Trong khoảng thời gian sống khát thực và lang thang khắp nơi, Mongkut đã thực sự hiểu được cuộc sống của người dân. Quan trọng hơn, ông cũng học hỏi được rất nhiều từ các kinh Phật cổ cho đến tiếng Latinh, tiếng Anh từ các nhà truyền giáo ngoại quốc. Đặc biệt ông dần tiếp cận và hiểu được sức mạnh không lồ của phương Tây từ các kỹ thuật tiên tiến. Những ý tưởng cải cách dần hình thành trong đầu nhà sư hoàng gia này. Dù sống cuộc đời của tu sĩ Phật giáo nhưng ông vẫn được giới quý tộc đặt niềm tin và lựa chọn. Đồng thời ông cũng tìm cách liên minh với giới quý tộc để hình thành nhóm chính trị nhằm tìm cách thu tóm quyền lực. Mongkut đã để lại cho con trai là vua Chulalongkorn một sự nghiệp đã được khơi sẵn để tiếp tục phát triển. Hoàng tử Chulalongkorn tức Rama V lên kế nghiệp vua Mongkut từ năm 1868 đến năm 1910. Ông vua trẻ ngồi trên ngôi báu khi chưa có kinh nghiệm cai trị thực tiễn và không đạt được sự ủng hộ tuyệt đối của Hoàng gia. Hai vị vua Mongkut và Chulalongkorn là linh hồn, là những người tổ chức, lãnh đạo công cuộc cải cách ở Thái Lan trong điều kiện vô cùng khó khăn. Nếu như Mongkut là người tự đào tạo mình thành nhà cải cách tài ba thì Chulalongkorn là sản phẩm đào tạo nhân tài của vua Mongkut.

Để xây dựng lực lượng phục vụ cho công cuộc cải cách ở Thái Lan, hai vị vua này là những người có công rất lớn trong việc đào tạo các thế hệ nhân tài. Đa số họ đều xuất thân từ các gia đình quý tộc hoặc con em trong hoàng tộc. Chính vị thế xã hội là một thuận lợi rất lớn của nhóm các nhà cải cách ở Thái Lan. Điều này tránh được tình trạng phân

chia quyền lực, xâu xé lẫn nhau vì các nhà cải cách đều đã có quyền lực một cách tự nhiên. Mongkut và Chulalongkorn là đỉnh cao, là sự kết tinh của hai nền giáo dục phương Tây và truyền thống phương Đông. Nếu như vua Mongkut là người tự đào tạo mình trở thành nhà cải cách thì tới thế hệ vua Chulalongkorn, việc đào tạo đã được tổ chức bài bản hơn, có các chuyên gia nước ngoài tham gia vào quá trình đào tạo. Chiến lược đào tạo nhân tài ở đây khá bài bản vì sau đó, nhân tài được triều đình tuyển chọn và đưa đi các nước tiên tiến để học tập.

Nói đến yếu tố con người trong cải cách thì ngoài những người lãnh đạo còn có các thế lực bảo thủ, chống đối. Trong công cuộc cải cách ở Xiêm, thành phần đông đảo trong phe bảo thủ là tầng lớp quý tộc truyền thống. Họ chống lại công cuộc cải cách ở Xiêm vì lo sợ bị tước đoạt quyền lực và lợi ích. Điển hình như khi Chulalongkorn lên ngôi, quyền lực thuộc về Suriyawong, là người đứng đầu phe bảo thủ. Trong năm năm đầu ở ngôi vua, Chulalongkorn hầu như không thể hiện được gì trong việc giải quyết việc nước. Mọi quyền hành đều thuộc về tay nhiếp chính vương Suriyawong. Thậm chí quyền lực quá lớn và sự theo dõi chặt chẽ của Suriyawong khiến không ai dám gần gũi nhà vua vì những cử chỉ phục tùng nhà vua trẻ sẽ gần như được xem là một kiểu chống lại Nhiếp chính vương. Trong năm năm đầu tiên khi lên ngôi, nhà vua Chulalongkorn hầu như không có quyền lực thật sự vì mọi việc đều do Nhiếp chính vương Suriyawong đảm nhiệm. Trong thời gian này, nhà vua đã tổ chức nhiều chuyến vi hành tới các nơi trong nước hoặc nước ngoài như Ấn Độ, Indonesia hoặc Singapore để nghiên cứu về tình hình chính trị, xã hội, đời sống của các nơi này. Chính thế lực bảo thủ trong triều còn quá lớn nên khi Chulalongkorn nắm mọi quyền hành trong tay và tiến hành cải cách từ từ, không vội vã để tránh đụng chạm đến lợi ích của các quý tộc, hoàng thân. Dần dần thì giới quý tộc Xiêm đã không còn ngăn cản như trước nữa.

Đối với cuộc vận động cải cách ở Xiêm thì những giáo sư, các giáo sĩ, chuyên gia kỹ thuật phương Tây cũng đóng một vai trò quan trọng. Nếu chúng ta gọi chung họ là “chuyên gia” thì có thể chia theo hai nhóm với vai trò khác nhau trong công cuộc duy tân. Nhóm thứ nhất là những người đã góp phần đào tạo nên các nhà cải cách mà điển hình là hai nhà vua Mongkut và Chulalongkorn. Họ là các giáo sĩ phương Tây như giám mục người Pháp Jean-Baptiste Pallegoix, các nhà truyền giáo người Mỹ như Jesse Caswell, Bradley và House.

Các giáo sĩ này đã đào tạo trực tiếp vua Mongkut các môn như tiếng Latinh, toán học và chiêm tinh học. Các giáo sư phương Tây cũng được mời về giảng dạy cho con em hoàng tộc trong đó có Chulalongkorn, điển hình như Anna Leonowens là một nữ gia sư người Anh.

Nhóm thứ hai là các chuyên gia về kỹ thuật và các nhà ngoại giao được triều đình Xiêm thuê làm việc trong các công xưởng và các cơ quan đại diện ở nước ngoài. Cụ thể, triều đình Thái Lan lúc bấy giờ đã thuê chuyên gia người Bỉ là Rolin-Jacquemyns là người am hiểu những kiến thức đặc biệt về luật học, hay hai chuyên gia về tài chính người Anh là H.Rivett-Carnac và W.J.F Williamson. Những hoạt động của hai nhóm chuyên gia này đã đóng góp quan trọng vào thành công của công cuộc cải cách ở Xiêm. Tuy có vai trò quan trọng nhưng họ chỉ dừng lại là cố vấn cho các nhà cải cách ở Xiêm. Quyền quyết định tối thượng vẫn thuộc về các vua triều đình Bangkok.

Trong cuộc cải cách ở Xiêm, quần chúng nhân dân là lực lượng hưởng ứng chương trình cải cách mà các vị vua triều Rama tiến hành, không phải là lực lượng quyết định sự thành bại của cải cách. Các vua triều đại Chakri mà tiêu biểu là Chulalongkorn đã biết khai thác, tranh thủ ảnh hưởng Phật giáo để tập trung lực lượng, đoàn kết tất cả các tầng lớp xã hội, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc. Giáo lý của đạo Phật tập trung vào luật nhân quả, giải thích những hành vi tốt đẹp của kiếp này là quả của kiếp sau nên đã tạo ra cho dân chúng sự phục tùng tuyệt đối, chấp hành nghiêm chỉnh những chủ trương chính sách của nhà nước. Xã hội Thái vì vậy ít có sự chống đối của nhân dân và có được sự ổn định cần thiết để áp dụng cải cách để phát triển đất nước. Hơn nữa là xã hội Xiêm lúc bấy giờ là xã hội phong kiến. Chế độ nô lệ đã tồn tại lâu đời ở đây và đến năm 1905 luật xóa bỏ chế độ nô lệ mới được vua Chulalongkorn ban hành. Vì thế mà người dân Xiêm chưa đủ năng lực tham dự vào đời sống chính trị của đất nước.

Đối với công cuộc cải cách ở Philippines, Indonesia và Việt Nam, yếu tố con người cũng có vai trò rất quan trọng. Họ đều xuất thân là tầng lớp trí thức Nho học cấp tiến, quý tộc bên dưới hay tầng lớp bình dân và chịu ảnh hưởng nền văn minh phương Tây. Đối với Philippines, tầng lớp tiên tiến hình thành trong mấy thập kỷ trước cách mạng chống Tây Ban Nha năm 1896 chủ yếu là từ các giai cấp đang lên trong lĩnh vực kinh tế nước này là người lai Hoa, người lai Tây Ban Nha và một số người bản xứ thành thị hóa. Họ có những đóng góp

to lớn trong việc tuyên truyền khơi dậy tinh thần dân tộc và hoạt động tích cực trong các cuộc vận động cải cách ở Philippines. Người khởi xướng cải cách ở Philippines là José Rizal, là người thuộc tầng lớp tiên tiến thuộc thế hệ lai Hoa năm đời. Cùng góp phần vào xu thế cải cách ở Philippines là Marcelo H.del Pilar, cũng thuộc tầng lớp tiên tiến. Bên cạnh José Rizal và Marcelo H.del Pilar còn có Andrés Bonifacio là người đồng sáng lập tổ chức Liga Filipina. André Bonifacio là đại diện cho tầng lớp bình dân. Từ nhỏ, ông đã phải lao động để kiếm sống và chịu ảnh hưởng phương Tây, đặc biệt là từ sách báo của các nhà cách mạng Pháp. Còn ở Indonesia, giai đoạn đầu nổi lên vai trò của người phụ nữ Raden Adjeng Kartini. Bà là con gái một viên chức – quý tộc người Java tiến bộ và sớm chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản. Sau đó nổi lên những hoạt động của tổ chức Budi Utomo (Nỗ lực thanh cao), là tổ chức của trí thức và quý tộc lớp dưới Java. Những thủ lĩnh xuất thân là tầng lớp trí thức, tầng lớp tiên tiến ở Philippines và Indonesia tuy đã có những nỗ lực phấn đấu trong cuộc vận động cải cách nhưng nhìn chung họ không tin vào lực lượng quần chúng nhân dân. Họ chỉ chú trọng hoạt động trong giới trí thức hoặc tầng lớp quý tộc lớp dưới. Vì thế mà những cuộc vận động cải cách này sớm đi vào tàn lụi. Ở Việt Nam, lực lượng có tư tưởng đổi mới đất nước thời kỳ này là một nhóm rất ít người, các quan lại, các chí sĩ yêu nước do có tiếp xúc với bên ngoài, có nhận thức cao hơn những người cùng thời. Đó là những khởi thảo, đề xướng canh tân của Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch,... Những đề nghị này trên thực tế chỉ là những biểu hiện của tư tưởng mới nên không được những người đứng đầu nhà Nguyễn cũng như đông đảo quần chúng nhân dân chấp nhận và ủng hộ. Do đó, những tư tưởng canh tân của Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch,... không được hiện thực hóa.

Một điều rất quan trọng là hầu như các nhà cải cách ở Indonesia và Philippines, Việt Nam đều có vị thế ít quan trọng trong hệ thống quyền lực tồn tại ở các nước. Họ thuộc tầng lớp tiên tiến, là trí thức Nho học, bình dân hoặc quý tộc lớp dưới. Tầng lớp tiên tiến ở Philippines có sự phân hóa vì có những mâu thuẫn nội tại trong tư tưởng giai cấp. Họ dao động trong thái độ đối với thực dân và dao động giữa lợi ích giai cấp và lợi ích của toàn dân tộc. Nỗi căm hờn đối với chủ nghĩa thực dân kéo họ gần với quần chúng nhân dân nhưng vì xuất thân từ tầng lớp có tài sản nên họ dễ dàng liên kết với nhà

cầm quyền. Ở Việt Nam, cuộc đấu tranh tư tưởng giữa phái canh tân và phái thủ cựu là không cân sức mà thế yếu thuộc về những người tân tiến. Ngay cả Nguyễn Trường Tộ được xem là người có tư duy vượt tầm thời đại nhưng lối suy nghĩ vẫn bị giới hạn trong phạm vi của tư tưởng phong kiến chịu ảnh hưởng của Kitô giáo. Đây cũng chính là một trong những yếu tố quan trọng làm cho cuộc vận động cải cách ở các nước này bị thất bại. Những nhà cải cách ở Philippines, Indonesia và Việt Nam không phải là những người lãnh đạo có quyền hành tuyệt đối như hai vị vua Mongkut và Chulalongkorn ở Xiêm. Vì thế sức ảnh hưởng của cuộc vận động cải cách ở các quốc gia này không mang tính sâu rộng như ở Xiêm.

Do hạn chế bởi thành phần xuất thân nên tầng lớp trí thức ở Indonesia, tầng lớp tiên tiến ở Philippines, bộ phận Nho học tiến bộ ở Việt Nam chưa chú trọng đến vai trò của quần chúng nhân dân. Vì thế, những hoạt động của cải cách hạn chế trong một bộ phận nhỏ nhân dân. Quần chúng nhân dân không đóng vai trò đáng kể nào trong trào lưu duy tân ở các nước này. Tuy nhiên, sự tham gia của quần chúng nhân dân vào các cuộc cải cách không nhất thiết là yếu tố đảm bảo cho thắng lợi của các nước Đông Nam Á nửa sau thế kỉ XIX - đầu XX. Đối với cải cách, vai trò của quần chúng nhân dân là tham gia hiện thực hóa và xã hội hóa các biện pháp cải cách sau khi phái cải cách giành thắng lợi. Điều này khác với cách mạng, bởi trong cách mạng rất cần thiết và nhất thiết phải lôi cuốn sự tham gia rộng rãi của quần chúng nhân dân.

Ở Philippines và Indonesia, thế lực bảo thủ luôn tìm cách chống lại xu hướng duy tân là các thế lực thực dân đang xâm chiếm những nước này. Yếu tố nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc làm thất bại những nỗ lực cải cách ở Indonesia và Philippines. Thông qua nhiều biện pháp khác nhau như trực tiếp tấn công xâm lược hay bắt giam, xử tử những người lãnh đạo đã dập tắt các cuộc vận động cải cách ở Philippines và Indonesia trong giai đoạn từ nửa sau thế kỉ XIX. Cụ thể, ở Phiippines chính quyền thực dân Tây Ban Nha điên cuồng bắt giam và xử tử hàng loạt người lãnh đạo và tham gia phong trào cải cách. Chúng đã bắt José Rizal và xử tử ông vì cho rằng ông đã tổ chức và cổ vũ phong trào chống lại chúng. Sau đó, chính quyền Tây Ban Nha thấy rõ việc đơn thuần dùng biện pháp bạo lực không đưa lại kết quả nhiều nên chủ trương dùng chính sách hòa hoãn để lừa bịp quần chúng và dùng sức mạnh quân sự để dọa nạt. Chúng tìm cách phân hóa hàng ngũ những người mang tinh thần cải cách, tách giai cấp tư sản và địa chủ ra khỏi trận

tuyên đấu tranh. Bên cạnh đó, thực dân Tây Ban Nha còn đấu tranh chống lại Bonifacio, giải tán tổ chức “Liên hiệp những người con yêu quý của nhân dân” và ra lệnh giết hại Bonifacio. Những hành vi đen tối của thực dân Tây Ban Nha đã gây nhiều tác hại rất lớn đến những chương trình đổi mới cải cách ở Philippines giai đoạn này.

Ở Việt Nam, một trong những lý do chính khiến Tự Đức không đề tâm đến vấn đề canh tân đất nước là tình hình chính trị phức tạp lúc bấy giờ. Thực dân Pháp chính thức xâm lược Việt Nam vào năm 1858, sau đó buộc nhà Nguyễn ký hòa ước năm 1862 cắt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp. Tiếp sau đó là hòa ước năm 1874, triều đình phải bồi thường khoản chiến phí quá nặng nề, ngân quỹ nhà nước bị kiệt quệ. Thực dân Pháp vừa tiến hành xâm chiếm Việt Nam bằng pháo hạm, vừa tiến công quân sự, vừa đứng sau các vua nói dấy chống lại triều đình. Cụ thể, thực dân Pháp ủng hộ Tạ Văn Phụng mạo danh nhà Lê đòi lại vương quyền, đã buộc Tự Đức phải lựa chọn giữa lợi ích dòng tộc và lợi ích quốc gia. Có lúc ông nghi ngờ các tín điều Nho giáo, thực hiện một số cải cách nhưng cuối cùng ông vẫn đặt vương quyền lên trên hết, vẫn giữ thái độ bảo thủ. Mặt khác, việc đề cao những yếu tố có lợi nhất trong Nho giáo phục vụ mục đích khẳng định tính chính thống của vương triều và củng cố sự độc tôn của dòng họ mình, các vua nhà Nguyễn xem việc tuân thủ một cách giáo điều những nguyên lý ấy mới là Nho giáo chính thống. Đó là những nguyên lý về thiên đạo, trong đó đề cao tư tưởng về mệnh trời, những nguyên lý về lịch sử coi xưa hơn nay, những nguyên lý về trị đạo tam cương ngũ thường,... Chính việc vận dụng Nho giáo theo mục đích chính trị là nét riêng của Nho giáo Việt Nam thế kỉ XIX khiến năng lực tư duy của dân tộc vấp phải khó khăn trong việc giải quyết các nhiệm vụ lịch sử mới mà thời đại đặt ra.

Các nhà cải cách ở Philippines, Indonesia và Việt Nam chịu ảnh hưởng của tư tưởng phương Tây bằng nhiều cách như trực tiếp hoặc gián tiếp với người nước ngoài. Trường hợp của nhà cải cách ở Philippines là José Rizal, đã có thời gian học ở Tây Ban Nha tại trường đại học trung ương Madrid vào năm 1882. Sau đó ông đi du lịch khắp Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á và thông thạo được 22 ngoại ngữ. Ở Việt Nam, Nguyễn Trường Tộ tiếp xúc với nền văn minh phương Tây thông qua sách vở, kinh thánh hoặc những lần sang Pháp. Những người khác tiếp thu tư tưởng dân chủ phương Tây qua các sách báo, tạp chí. Họ đều xuất thân từ tầng lớp Nho học tiên tiến hoặc giới trí thức, quý tộc lớp dưới nên họ rất dễ dàng tiếp thu những tư tưởng

canh tân từ nước ngoài. Tuy nhiên, ở các nước này không có việc mời các “chuyên gia” nước ngoài đến để đào tạo nguồn lực phục vụ cải cách một cách khoa học và bài bản như ở Xiêm. Bởi ba quốc gia này đang nằm dưới ách thống trị của thực dân phương Tây nên những nhà lãnh đạo đất nước không có quyền lực mà lại phụ thuộc vào thế lực bên ngoài.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng yếu tố con người đóng vai trò quan trọng trong các cuộc vận động cải cách ở Đông Nam Á thời cận đại. Trong yếu tố con người thì vai trò, vị thế của người lãnh đạo công cuộc cải cách rất quan trọng. Nó quyết định đến sự thành bại của mỗi cuộc vận động cải cách ở mỗi nước. Điều này chúng ta có thể dễ dàng nhận ra thông qua vai trò của người lãnh đạo đất nước trong cải cách ở Thái Lan là Mongkut và Chulalongkorn đều là những vị vua thức thời, đã đứng ra đảm đương công cuộc cải cách với mục đích là để duy trì và bảo đảm địa vị thống trị của giai cấp phong kiến. Đồng thời thông qua đó để tạo ra nội lực phát triển đất nước và bảo toàn chủ quyền dân tộc. Dù Xiêm đã phải cắt cho thực dân phương Tây nhiều vùng đất ngoại vi, ký những hiệp ước bất bình đẳng nhưng phần nào đã giúp Xiêm thoát khỏi ách thống trị của thực dân phương Tây và tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Điều đó có ý nghĩa rất lớn đến sự phát triển của đất nước Xiêm sau này. Trong bối cảnh đa phần các quốc gia Đông Nam Á giai đoạn nửa sau thế kỉ XIX đều trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây thì Xiêm là đất nước duy nhất độc lập và khá thành công trong công cuộc cải cách của mình. Ở Indonesia, Philippines và Việt Nam, các trào lưu cải cách xuất hiện và diễn ra rầm rộ nhưng nhìn chung đều thất bại. Nguyên nhân chính xuất phát từ yếu tố con người trong cải cách. Những nhà lãnh đạo cải cách đều xuất thân từ quý tộc lớp dưới, trí thức Nho học, bình dân hoặc là tầng lớp tiên tiến sớm tiếp xúc với nền văn minh phương Tây nên họ không có quyền lực thật sự trong tay. Ở Philippines có các nhà duy tân như José Rizal, Andres Bonifacio còn ở Indonesia nổi lên nhân vật Raden Adjeng Kartini và tổ chức Budi Utomo (Nỗ lực thanh cao). Những nhà duy tân này hoạt động tích cực một thời gian nhưng do không có quyền lực trong tay nên sau khi bị chính quyền thực dân đàn áp hoặc những nhà lãnh đạo bị xử tử thì phong trào bị dập tắt. Ở Việt Nam, chính sự độc tôn các tín điều Nho giáo trong xã hội và việc cấm tự do ngôn luận, tự do hội họp của triều đình nên những tư tưởng cải cách của tầng lớp quan lại, sĩ phu không được phổ biến trong quần chúng nhân

dân. Các định chế khắc nghiệt của triều đình cũng là một nhân tố cản trở cho sự tuyên truyền của các tư tưởng mới. Trong điều kiện lịch sử đó thì những nhà cải cách không còn cách nào khác là đề đạt ý kiến của mình lên trên và chờ đợi sự sáng suốt của giới lãnh đạo. Tuy nhiên, vua Tự Đức và các quan chức cao cấp trong triều đình đã từ chối việc thực hiện cải cách.

3 KẾT LUẬN

Cuộc vận động cải cách ở các nước Đông Nam Á xuất hiện trong sự tác động của những nhân tố chủ quan và khách quan. Có thể thấy chất xúc tác mạnh mẽ cho sự ra đời các cuộc cải cách ở các quốc gia Đông Nam Á là sự xâm lược và bóc lột của thực dân phương Tây. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng tôi đề cao quá mức vai trò của nhân tố khách quan mà nhân tố chủ quan cũng rất quan trọng. Chính những yếu tố bên trong của các quốc gia Đông Nam Á là nhân tố chi phối quyết định cuộc vận động lịch sử của các trào lưu cải cách. Trước sự thất bại hàng loạt của các phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân các quốc gia Đông Nam Á thì cải cách được xem là con đường hiện đại hóa đất nước và để ứng phó hữu hiệu nhất đối với làn sóng xâm lược của thực dân phương Tây trong giai đoạn nửa sau thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX.

Trong công cuộc cải cách, vai trò và vị thế của người lãnh đạo cải cách rất quan trọng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của chương trình cải cách đó. Điển hình ở Đông Nam Á có Thái Lan (Xiêm), công cuộc cải cách diễn ra thành công do các vua của triều đại Chakri là những người đang điều hành đất nước, có đủ quyền lực về chính trị và kinh tế nên dễ dàng thực hiện, triển khai chương trình cải cách. Ngược lại những nhà cải cách ở Indonesia, Philippines và Việt Nam là những người thuộc tầng lớp bên dưới của xã hội khởi xướng, họ không có đủ quyền lực về chính trị và kinh tế nên không hiện thực hóa chương trình cải cách. Trong công cuộc cải cách, vai trò của yếu tố con người vô cùng quan trọng và vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn đối với sự nghiệp đổi mới của nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Lan, 2002. Tư tưởng cải cách Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Hà Nội, 280 trang.
2. Vũ Dương Ninh, 2007. Phong trào cải cách một số nước Đông Á (giữa thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội, 403 trang.

3. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, 2003. Lịch sử thế giới cận đại. Nhà xuất bản giáo dục. Hà Nội, 563 trang.
4. Nguyễn Đình Thuận, 2011. Thái Lan-giải mã nền chính trị và can thiệp quân đội. Nhà xuất bản Công an nhân dân. Tp. Hồ Chí Minh, 439 trang.
5. Huỳnh Văn Tòng, 1992. Lịch sử Indonesia (từ thế kỷ XV-XVI đến những năm 1980). Nhà xuất bản Trẻ. Tp. Hồ Chí Minh, 196 trang.
6. Huỳnh Văn Tòng, 1998. Lịch sử các quốc gia Đông Nam Á (từ thế kỷ XIX đến thập niên 90), Nhà xuất bản Trẻ. TP. Hồ Chí Minh, 299 trang.